

ĐẠI VIỆT

TẬP CHÍ

REVUE BI MENSUELLE PARAISSANT LE 1er ET LE 16 DE CHAQUE MOIS

Giám-đốc : HỒ-VĂN TRUNG *



MỤC LỤC

1. — Văn-chương « Tự tình khúc » . . . PHAN-HUY-CHUYÊN
2. — Gia-đình Giáo-dục. QUANG-PHONG
3. — Vì sao ta thích đọc tiểu thuyết. B. N. T.
4. — Cầu thả trong văn-chương. HƯƠNG-TRÀ
5. — Dịch cổ văn. THƯỢNG TÂN-THỊ
6. — Tiểu-thuyết Đoạn Tình (tiếp theo). . . HỒ BIỂU-CHÁNH

50 71799



Bao-quan : 5, đường Reims, Saigon — Giá mỗi số : 0 \$ 40

NAM - KỲ TUẦN BÁO

Số 77 ra ngày 30 Mars 1944
: là số báo đặc-biệt :

ĐỊA - PHƯƠNG

SAIGON - CHOLON

Có bài về lịch sử thành Saïgon

- Nhiều hình Saigon xưa và nay.



Số 78 ra ngày 6 Avril 1944
: là số báo đặc biệt :

KHUYẾN - NÔNG

có nhiều bài vở và hình vẽ

Nghề Nông ở xứ Nam-kỳ.

Giá mỗi số : 0 \$ 40

«TỰ' TÌNH KHÚC»

GẦN đây, đọc «Tự tình khúc», người ta đã để ý nhận xét giá trị văn-chương của bài văn ấy. Có người xem «Tự tình khúc» đã nghiêm khắc hạ lời chê văn-chương lắm đoạn lẫn quẩn, trùng điệp. Lời phê bình rất xác đáng, không ai có thể chối cãi được. Thật quả đoạn sau «Tự tình khúc» đã có vài chỗ lặp đi lặp lại.

Nhưng theo ý tôi, lời bình phẩm ấy không khỏi có đôi chút khắc nghiệt. Chúng ta chỉ là những kẻ thừa hưởng cái di sản văn-chương của tiền nhân để lại. Vậy thì trong lúc thưởng thức cái di sản văn-chương quý báu ấy, chúng ta cũng nên liên tưởng đến thân thể của tác-giả, mà đặt vào nơi quyền thẩm phán đôi chút lượng khoan hồng.

Chúng ta đã biết các bậc tiền bối ta làm văn làm thơ là phải có một ý nghĩa, một mục đích riêng. Mà cái mục đích riêng ấy thì không ngoài sự kỷ niệm vào trong tác phẩm văn chương tất cả nỗi lòng thắc mắc của mình. Nguyễn Du viết «Đoạn trường tân thanh» chỉ là để gói vào trong thân thể cô Kiều, tấm lòng cô trung-lỗi đặc chí của một di thần nhà Lê. Và Nguyễn-duch-Chiều đã phải nhờ quyển «Lục-vân-tiên» để thổ lộ nỗi lòng đau đớn vì cuộc thế tang thương, của một người trí thức.

Ông Cao bá-Nha viết nên «Tự tình khúc» cũng không ngoài cái mục đích ấy. Vận nhà gặp tai biến, không biết làm thế nào, ông đành phải dùng tài mình viết ra một bài tự tình, để thanh minh với người đời sau về những nỗi oan khốc của nhà mình. Ông chỉ e rằng :

Nhân gian ai kể thương tình ?

Trăm năm còn luận phẩm bình về sau.

cho nên ông phải gắng gượng mà :

Bút nghiên tiên khiến ngáy dài,

Chứng ột tân khổ bỏ hoài qua g am.

Ấy, vì thế cho nên ngày nay chúng ta mới được đọc «Tự tình khúc» của ông.

Chỉ khác các tác giả là ông Cao bá-Nha đã viết «Tự tình khúc» trong một trường hợp rất đặc biệt.

Các thi hào khác thì vừa uống rượu nhấp rươu, vừa đắc ý rung đùi, để chấp chảnh từng câu thơ của mình. Nhưng ông Cao-bá-Nha thì không thế. Ông đã viết trong một tình thế cực kỳ bị dặt, ra ngoài sức tưởng tượng của mọi người.

Gông ba thước ai bày nên nợ ?

Củ một gian khéo giở ra tro.

Và :

Tám vai quấy nặng người oan.

Ấy thế đó, ông Cao-bá-Nha đã vừa viết vừa khóc trong khi đau thắt từng khúc ruột, ngồi bó rọ trong cái củ giam kiên cố, cho bốn tên phu ý ạch khiêng qua quảng đường dài.

Thế thường, người ta, khi sắp phải vĩnh quyết với đời một cách bất ngờ, không khỏi nhớ nhung luyến tiếc những người những cảnh quen thuộc. Ông Cao-bá-Nha biết mình sắp bị xử tử, tránh sao không thương tiếc những người những cảnh thân mến mà lúc ra đi ông không kịp ngỏ lời vĩnh biệt. Cho nên ông đã đem hết tâm can phả vào trong lời thơ giọng nhớ. Vết đoạn này, bởi quá thương tâm, quá đau đớn, ông Cao-bá-Nha đã không thể tránh được sự lộn xộn trong cách xếp đặt. Vì thế mới có người vội hạ lời chạ là lộn quẩn, trùng điệp. Nhưng, thử hỏi, trong một trường hợp muôn vàn đau khổ như thế, tác giả giữ sao được sự minh bạch, khúc chiết, trong mạch lạc của một bài văn ?

Ngồi trong củ giam mà viết được những câu thơ đẹp đẽ như bài « Tự tình khúc » để người sau xem đến đều tấm tắc khen ngợi, phải là một bậc kỳ tài như Cao-bá-Nha mới làm nổi. Vậy thì, đọc « Tự tình khúc » chúng ta cũng nên rộng rãi trong sự phê-phán văn chương, mới hợp với lòng sùng kính tiền nhân.

Bài « Tự tình khúc » ra đời là vì một việc làm phạm pháp của ông Cao-bá-Quát. Năm 1851, ông Cao-bá-Quát dấy loạn ở Mỹ Lương. Việc không thành, Cao-bá-Quát bị bắt và cả ba giòng họ đều liên lụy.

Ông Cao-bá-Nha trốn thoát, đến giấu mình ở huyện Mỹ Đức (thuộc Hà-Đông). Ở đây ông sống cái đời bán nho trong hơn tám năm trời, rồi mới bị bắt (gánh gia đình nặng tam năm dư). Như vậy thì « Tự tình khúc » viết vào năm 1862. Trước khi viết « Tự tình khúc » chắc ông Cao-bá-Nha đã được đọc « Cung oán ngâm »; « Chinh phụ ngâm » (vào thời nhà Lê) và « Đoàn trường tân thanh » (vào thời Gia-Long) v...v... Và chúng ta có thể nói chắc chắn rằng, ông Cao-bá-Nha đã chịu ảnh hưởng

những tác phẩm ông đã được đọc không phải ít. Cho nên ta thấy trong « Tự tình khúc » đôi câu tương tự như ít câu trong « Kiêu » và « Chinh phụ ngâm » :

Người đau phong cảnh cũng buồn,
Thong gờn như trúc, euc môn như mai. (Tự tình khúc)
Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,
Người buồn, cảnh có vui đâu bao giờ. (Kiêu)

Ngủ thân mà ngán cho thân,
Một thân mang nợ mấy lần mới thôi. (Tự tình khúc)
Ngủ đời mà ngán cho đời,
Tài tình chi lắm cho trời đất ghen. (Kiêu)

Khi ngày mong bức xa thư,
Khi đêm than bóng, khi trưa hỏi lòng. (Tự tình khúc)
Sớm năn nỉ bóng, đêm ăn hận lòng. (Kiêu)

Nay phó xuống Hồng thành tạm trú,
Mai truyền sang Bắc-tộ ruổi xa. (Tự tình khúc)
Nay Hân xuống Bạch thành đóng lại
Mai Hồ vào Thanh hải dòm qua. (Chinh phụ ngâm)

Chắc có người gặp những câu ấy sẽ chưa chắc bảo rằng tác giả « Tự tình khúc » đã phỏng theo nhiều câu thơ của Nguyễn-Du và Nguyễn-thị-Điềm. Phê bình như thế thật là quá nông nổi và bất công. Chúng ta nên biết rằng, trong khi ngâm đi đọc lại một quyển thơ, thế nào cũng có ít câu hay in vào trong trí, ghi sâu vào trong tiềm thức. Đến lúc làm, thốt nhiên người ta viết ra những câu tương tự như thế mà không tự biết.

Trong văn chương, những trường hợp như vậy không hiếm. Tôi xin kể một ví dụ :

Trước xe quân tử tạm ngồi,
Để cho tiên thiếp tay rồi sẽ phân. (Lục-vân-liên)
Cây em em có chịu lời,
Ngồi lên cho chị lay rồi sẽ thưa. (Kiêu)

Hai câu rất giống nhau. Nhưng ai dám bảo rằng cụ Nguyễn-Đình-Chiêu đã phỏng theo câu thơ của cụ Nguyễn-Du ?

Vậy thì, đọc « Tự tình khúc », gặp những câu hơi giống đôi câu trong « Kiêu » hay « Chinh phụ ngâm » v... v..., chúng ta chỉ nên cho đó là một sự ngẫu nhiên, vô tình, chứ không phải do dụng ý của tác giả. Và thường thức văn chương — bất cứ

của ai — gặp những chỗ như thế, chúng ta nên bỏ qua đi, không nên quá khắc khe một cách cạn hẹp.

Từ đây trở lên, tôi đã viện một vài lẽ để thanh minh cho bài « Tự tình khúc ». Công việc xong rồi, tôi xin, cùng với các độc giả, thử xét sơ qua về giá trị văn chương của bài văn ấy.



Trong tất cả các tác-phẩm viết bằng thể thơ song thất lục bát và lục bát, từ Nguyễn thị-Điềm cho đến Nguyễn-đình-Chiêu, không có quyển nào không dùng lối đối ngẫu. Tuy rằng trong hai thể thơ ấy không bắt buộc phải dùng lối đối ngẫu nhưng các tác-giả đã khôn khéo, lợi dụng lối viết ấy cho câu thơ thêm đẹp, thêm cân xứng. Ông Cao-bá-Nhạ, tác-giả « Tự tình khúc », cũng không thoát được cái công lệ đó. Ông đã khéo dùng lối đối ngẫu để tô điểm cho câu thơ của mình. Gỡ « Tự tình khúc », chúng ta có thể tìm được nhiều chỗ đối chọi nhau chan chát. Tự trong cũng có lắm câu cực đẹp và nhiều cách đối.

Mai câu thất đối nhau :

Qua cửa mạch cao cao cửa đỏ
Trông lục nhai lơ lợ gác vàng.
Dền Mông chính canh khuya một ngọn,
Màn Trọng thư năm trợn nửa vầy.
Dấu trưng ần in miền mây trắng,
Chữ mực dân bóng dựng non vàng.
Cuộc phù thể thờ ơ mệnh bạc
Chồn dạ dài chênh mức ông son.

Ngôi câu bát ra làm hai đoạn để đối nhau :

Văn chương dốc túi ; Công danh giặt cơ
Một vùng khách địa ; Muôn vàng thương tằm.

Lấy bốn chữ trong một câu để đối nhau :

Thế gian kẻ khó , người cười
T hu thôn ở ao nghiên ; ruộng chữ
Màn giang sơn cơm sữ ; áo kinh.

Trong những câu ấy, chúng ta thấy đối chọi nhau từng câu, từng lời, từng ý, từng chữ. Và, nếu để ý một chút, ta lại thấy nhan nhản những mâu sắc, nó tô cho câu thơ thêm đẹp thêm tươi. Cái tài của tác giả là ở chỗ đó. Đọc đến những câu ấy, chúng ta cảm thấy khoan khoái lạ lùng. Thì ra cái thể đối ngẫu trong lối thơ song thất lục bát và lục bát, nó có một sức hấp dẫn khá mạnh.

Nhưng dầu sao viết một tập thơ dài mà chỉ biết dùng lối đối ngẫu thôi, cũng chưa đủ. Tác-giả còn cần phải để ý đến cú điệu nữa.

Song thất lục bát, và lục bát vốn là hai thể thơ mà câu nào cũng giống như câu nào. Điệu nó đi cứ sán sán, đều đều, khiến người ta đọc lâu sanh chán.

Người đầu tiên biết thay đổi điệu câu trong thể lục bát là cụ Nguyễn-Du, tác-giả « Đoạn trường tân thanh ». Cụ đã đem vào trong « Đoạn trường tân thanh » cái lối ngắt câu ở nhiều chỗ khác nhau để làm cho câu thơ thêm phần linh hoạt và tránh cho điệu thơ cái nạn phẳng lì lì.

Ông Cao bá Nha đọc « Đoạn trường tân thanh » của cụ Nguyễn-Du, chắc cũng đã nhận thấy cái lợi của sự thay đổi điệu câu. Cho nên, trong « Tự tình khúc », nhiều chỗ ta thấy cách ngắt câu rất bất thường, khiến cho điệu câu thơ thay đổi luôn, rất uyển chuyển, người đọc khỏi chán.

Ngắt câu ở chữ thứ ba của câu lục :

Trong khi biển | chẳng khác thường

Ngắt câu ở chữ thứ hai của câu lục :

Gợn thoi | ngọn lửa đốt rừng

Ngắt câu ở chữ thứ ba của câu bát :

Dập tòn tòn | lại bùng bùng bỗng không

Ngắt câu ở chữ thứ tư của câu bát :

Trời dành tuế nguyệt | đất dành diên viên

Trong thơ, thứ nhất những khúc dài hay những tập truyện, cần phải có những đoạn tả tình tả cảnh. Tình và cảnh là hai thứ để trang điểm cho bài thơ. Thơ Cao bá-Nha đã là một khúc tự tình, lẽ tất nhiên từ đầu chí cuối chỉ là những câu tả tình. Thỉnh thoảng tác giả mới chêm vào vài câu tả cảnh để giúp cho lời thơ mà thôi.

Tôi tưởng, trong bài trước, đã nói gần đầy đủ lời thơ tả tình trong « Tự tình khúc » (1) không cần phải nhắc lại nữa. Ở đây tôi chỉ nói đến lời thơ tả cảnh.

Ông Cao-bá-Nha có một lối tả rất mới, rất linh động, rất kỳ đặc, và cũng rất đẹp. Đọc « Tự tình khúc » tôi không ngờ vào thời vua Tự Đức mà có người dùng ngôn bát của thi sĩ vẽ nên những bức cảnh thoát sao mà đẹp dễ như thế.

Trong « Đoạn trường tân thanh », Nguyễn-Du có một câu

(1) Xin xem bài « Tự tình khúc » ở Đại-Việt Tập-CLT số 29 và 30.

tả cảnh xuân, đến ai cũng khen là tuyệt :

Cỏ non xanh tận chân trời,

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

Thật là tài tình! Vốn vốn chỉ có 14 chữ mà tả đủ hình ảnh, màu sắc, hương vị của cả một mùa xuân. Nhưng nếu tò mò tìm kiếm một tí, ta sẽ thấy rằng, câu thơ ấy, Nguyễn Du đã dịch sát nguyên văn hai câu thơ chữ Hán :

Phương thảo liên thiên bích

Lê chi sở điểm hoa.

Đọc những câu tả cảnh trong « Tự tình khúc », ta không thể có cái cảm tưởng ấy. Và ta sẽ nhận được rõ rệt cái tài của ông Cao-bá-Nhạ.

Đây là cảnh bình minh nơi thôn quê :

Bước sâu ai vẽ giữa đường,

Mây in sắc : lúa nửa vàng nửa xanh.

Đây là cảnh một buổi chiều trong trẻo :

Ô chềch chềch xẽ ngang non bạc

Sếu xa xa bay lạc ngàn xanh.

Và đây là cảnh một con sông eo đấp đê :

Tràng đê một dải xanh ri,

Nước trôi đỏ thắm mây đi trắng ngần.

Thật là những bức tranh kỳ tuyệt ! Tả cảnh bình minh ở nhà quê thì nói : Lúc ấy mặt trời sắp mọc, người ta đã trông rõ lối đi (Bước sâu ai vẽ giữa đường). Tác-giả đi giữa cánh đồng lúa, thấy chân mây ở phương đông đã, vì mặt trời, nhuộm vàng ở giữa nền xanh (Mây in sắc lúa nửa vàng nửa xanh).

Tả cảnh chiều thì chỉ dùng có hai hình ảnh : mặt trời và sếu là đủ.

Ô chềch chềch xẽ ngang non bạc.

Tả được như thế, tác-giả đã quan sát rất đúng. Những buổi chiều sáng sủa, nhìn ngọn núi mà mặt trời đã đang gác chềch chềch, chúng ta sẽ thấy chóp núi màu trắng xóa chứ không phải màu vàng. Cảnh tả đến thế là tài tình.

Đến như cảnh con sông thì không bức vẽ nào tươi đẹp và linh động hơn nữa : Con đê cỏ mọc xanh um (Tràng đê một dải xanh ri) ; Sông là một giòng nước đỏ ngầu (nước trôi đỏ thắm) ; và giữa giòng nước lại in những tảng mây trắng trên trời (mây đi trắng ngần). Thiết tưởng dùng lời thơ mà vẽ được như thế, không phải là không có tài.

Tân-Đà có một bài thơ dùng toàn màu sắc : Bài « Cô Tây đen » :

Nước trong xanh lơ lững con cá vàng ;

Cây ngô cảnh bích, con phụng hoàng nó đồ cao.

Anh tiếc cho cô em nay là phận má đào :

Tham đồng bạc trắng, mới gán ào ông Tây đen.

Sợ tơ hồng ai khéo xe duyên,

Treo tranh lỗ nữ đứng bên anh tượng đồng.

Chị em ơi, ba bảy đường chồng.

Kể cũng đã rất tài tình, nhưng có điều đọc lên ta thấy gò gáp quá, thành ra giảm mất hứng thú.

Chớ như những bức tranh của ông Cao-bá-Nhạ thì rõ ràng, cách pha màu của ông rất tự nhiên và rất uyển chuyển. Bức nào cũng đầy đủ màu sắc dịu dàng, thích hợp. Đọc lên, nếu không chú ý, chúng ta sẽ vô tình bỏ qua không nhận được những màu sắc lộng lẫy ở trong đó, nó làm cho bức tranh sáng tươi hẳn lên.

Nhưng ông Cao-bá-Nhạ tả cảnh cũng chỉ là đề mà uới tình. Cảnh và tình lúc nào cũng đi đôi với nhau để khiến người ta đọc đến sẽ cảm động sâu thêm một tầng nữa. Ngay như trong bức tranh bình minh, tác giả đã đặt vào hai chữ « Bước sâu » Sau bức tranh chiều, tác giả viết :

Giang sơn thêm rộng lý tình,

Giang thành vừa sớm, sơn thành lại hôm !

và sau bức vẽ con sông, tác giả lại luôn mấy câu :

Hồn phần tử mười phần lưu lạc !

Cỏi chong ba mấy bước nổi chìm !

Sóng đào kêu mãi không im,

Tại sông rã rịch hầu em ai trăn !

Cảnh và tình sẽ trợ lực lẫn cho nhau. Cảnh giúp tình thêm thấm, và tình giúp cảnh thêm đẹp. Đó là lối viết của các nhà thơ đại tài. Nếu tả cảnh vụng về thì, không những chẳng có lợi gì cho nhau, mà còn làm hư hỏng tất cả nữa.

Bây giờ chúng ta hãy xét sâu vào một bức nữa, đến cách dùng chữ của tác giả. Trong làng thơ Việt-Nam, người có tài dùng chữ nhất là Nguyễn Du. Đọc « Tự tình khúc », ta thấy cái tài của ông Cao-bá-Nhạ cũng không kém mấy. Ông đã khéo lựa chọn những tiếng thích hợp với tình cảnh để giúp cho lời thơ thêm mạnh mẽ, ý nghĩa thêm dồi dào.

Để nói sự kêu gào với Trời, tác-giả viết :

Bâng khuâng mình tiếc chơ mình

Xa xa nói với xanh xanh giải cùng.

Hai chữ « xa xa » và « xanh xanh » dùng trong một câu, khiến ta thấy rõ cái minh mông, cái xa xăm vợi vợi, giữa quảng đất và trời.

Đề tả sự sâu nhớ quê hương ở một phương trời xa lắc :

Nước non cách mấy mươi trùng xa xa

Cả 6 chữ ở đoạn sau câu t ơ, không chữ nào thừa. Nó đã hợp lại đề tả rõ cái xa tít xa tắp của miền quê tác giả.

Đề tả thân thể phù trầm :

Nổi chìm, chìm nổi bề oan.

Lấy đi lấy lại hai chữ « nổi chìm chìm nổi », khiến ta thấy rõ nỗi cái gì đang lênh bênh, ngoi ngóp trên mặt nước, lúc thì trôi nổi, lúc thì chìm nghỉm.

Đề tả một ngọn cúc bị sức gió lắc lư, mà cũng là đề tả cảnh vật vờ của mình :

Lay ngọn cúc gió dẫn lẫn lóc.

Bốn chữ « gió dẫn lẫn lóc » thật là mạnh hết sức. Đọc đến, ta có thể tưởng tượng thấy rõ cái ngọn cúc lúc ấy nó như thế nào.

Đề tả cuộc đời luẩn lạc :

Sương thăm lối gập ghềnh chân bước..

Gập ghềnh từng bước gian nan...

Ghê chân bước, phong trần mới trải..

Những chữ « gập ghềnh chân bước », « gập ghềnh từng bước », « ghê chân bước » cho chúng ta thấy rõ cái nỗi đau khổ của tác giả. Thứ nhất là chữ « ghê ». Chữ « ghê » trong tiếng ta dùng để chỉ một cái gì đáng kinh tởm, đáng hải hùng, đáng khùng khiếp. Chữ « ghê » đặt vào trong câu này khiến cho giá trị của sự « phong trần mới trải » đời với tác giả đã dặt dỏ biết là chừng nào.

Và đây là đề tả một luồng gió lách trong cành cây.

Gió lách cành xào xạc tai nghe.

Chỉ một chữ « lách » ấy cũng đã đủ tỏ rõ tài của tác giả. Với chữ « lách » ta có thể thấy, luồng gió chạm chạm, uể oải, luồn qua từng cành từ g cành. Và có lẽ lúc ấy tác giả cũng đang ủ rũ lê cạp chơn mình « lách » từng bước một trên quãng đường sương gập ghềnh, và cả trong cái đời gập ghềnh của mình.

Cuối cùng, tôi xin trích hiển các bạn một đoạn trong « Tự tình khúc », để các bạn thấy đại khái toàn thể giọng văn của ông Cao Bá-Nghạ :

Sao đến nỗi tại bay, vạ lạc ?

Thả bỏ thân đây nước cành cây !

Thân sao thân đến thế này !
 Mấy năm giữ sạch, một ngày bụi dơ !!
 Ôn liền thế bao giờ báo đáp ?
 Nợ phù sinh mảy kiếp đền bồi ?
 Phù sinh thôi thế thì thôi !
 Dầu thân chuộc lại, cũng đời bỏ đi.
 Sao già vận biến di đến thế ?
 Nào tiên nhân tích lũy để đâu ?
 Cao cao xanh ngắt một màu !
 Biết rằng có thâu nguyên đầu cho chẳng ?
 Chữ khổ tiết kháng kháng cầm chắc,
 Nợ đa truân đường đặc cố theo.
 Trước sau vẫn chót bấy nhiêu,
 Nặng vì cốt nhục phải liều phát phu.
 Tình phụ tử cay chua đến ruột !
 Nỗi thất gia đau buốt tận xương !
 Từ nay nhả nhủ thế thường :
 Ai ơi ! xin chớ ngâm chương « mộng hùng » !

.
 Lời thơ thật là chua chát hết sức ! Giọng thơ đi một mạch đều đều, buồn bã, như tiếng chạy sè sè của một cái guồng quay tơ. Có một đoạn thơ dài, đọc lên nghe như một tiếng khóc nỉ non, thấm thiết của một tâm hồn quá đau khổ. Thĩ h thoảng, giữa lời thơ, lại đột ngột chêm vào một câu như :

Thân sao thân đến thế này !..
 Phù sinh thôi thế thì thôi !..
 Cao cao xanh ngắt một màu !..
 Nỗi thất gia đau buốt tận xương !..
 Ai ơi xin chớ ngâm chương mộng hùng !..

khiến chúng ta phải tưởng như là những tiếng nấc dài.

Thưa các bạn, tôi đã mạo muội dùng tài hèn của tôi để thử xét qua loa về văn chương của « Tự tình khúc ». Đến đây có g việc của tôi đã tạm xong. Nhưng tìm cho đủ cái tinh hoa của những áng cổ văn, không phải là công việc mà một người có làm trọn được. Và tôi chỉ là một kẻ tài sơ học thiển, trong công việc nghiên cứu « Tự tình khúc » chắc còn nhiều chỗ khiếm khuyết và lẫn lộn. Vậy xin các bậc cao minh đồng điều bầy bổ khuyết và đính chánh lại cho.

PHAN-HUY-CHUYÊN

GIA-ĐÌNH GIÁO-DỤC

I. — CẦN PHẢI LÀM GƯƠNG CHO CON

Đọc qua những giòng ở trên, chúng ta đã nhận thấy trách-nhiệm của kẻ làm cha mẹ rất quan-trọng đối với trẻ con.

Không cứ ở lúc nào, ở bàn ăn, ở phòng ngủ, ở công việc làm, ở lời nói, nhất là khi ở trước mặt trẻ con thì cha mẹ lại càng thận-trọng giữ gìn. Bởi cách hành-động của nhi đồng toàn là vô ý thức. Nghĩa là trẻ con rất giàu tánh bắt chước, cố làm theo như thế, nhưng không hiểu làm để làm gì.

Bởi trí óc của chúng còn thấp kém, không thể phân biệt được điều ốit xấu phải quấy nên hư. Chỉ thấy những người trong nhà như cha mẹ, anh chị làm thế nào, thì chúng bắt chước làm thế ấy. Nếu người cha hằng ngày cứ say sưa be bét với rượu tra thuốc phiện, đam mê theo đồ bác điểm đang, lòn lỏi xu bợ kẻ bề trên, lại còn chửi rủa tục tĩu trước mặt con, thì lần lần đứa con kia cũng phải tiếm-nhiệm lấy cái tập quán xấu ấy.

Vậy thì trong sự giao-thiệp hằng ngày với khách, hoặc đối đãi với những kẻ bề dưới như ăn mày, như tôi tớ trong nhà, kẻ làm cha mẹ phải có cái thái-độ khoan hoà, nhã-nhận, rộng-rãi, thành thật. Như thế để làm một tấm gương trong sáng cho con.

Bởi chịu phải cái ảnh hưởng không hay, không tốt ấy, chẳng phải làm hại cho xã-gọi thôi, mà lại còn hại cả gia-đình và đến mình.

Đây, một câu chuyện của Grimm, nhà văn hào nước Đức, mà chúng tôi tưởng nhắc lại cũng không phải là một chuyện thừa.

« Có một ông lão họ đã già yếu quá rồi. Đi đứng không vững. Mỗi buổi ăn, ông cầm nửa muón cũng không được chắc. Thanh thử, một phần chèo ăn phải đổ chày xuống nắp bàn và trên miệng mếu mếu của ông thì nghe thấy những « cháo để dầm trên chom râu bạc.

« Đứa con trai và người dầm lấy làm ghê ghẹo mới để ông ăn riêng ở một xo gầu bếp, lại cho ông một cái chén bằng « cây để phòng trau sự rơi bể. Nhìn thấy dầm con ăn uống « chuyện trò lấy làm hĩ hạ, còn găm lại thân mình thì ông « sanh lòng tức tui lắm !

« Lúc ấy có một thằng cháu lên bốn, một hôm nó lấy ván
« chắp làm thành một cái mán. Cha nó lấy làm lạ hỏi nó, thì
« nó đáp rằng nó đóng một cái mán để phòng sau khi cha mẹ nó
« già rồi ăn uống nhều nhảo, thì nó cho cha mẹ nó dùng cái mán
« ấy, để thế làm chén bát như cha mẹ nó đã cho ông nó ăn vậy.

« Vợ chồng nghe con nói thế lấy làm sợ hãi, hồ thẹn và
« đâm ra hối hận với cách cư-xử tệ bạc với người cha già. Và,
« như thế, tức là gieo phải cái điều bạc bẽo xấu xa cho con tập
« lấy để đối đãi với mình ở đời mai hậu. Vì vậy từ đó, vợ
« chồng người con trai đem ông già vào ngồi chung một bàn và
« săn sóc chăm nom từng miếng ăn cho cha rất châu đáo ». •

Xem thế, những điều làm xằng bậy của cha mẹ có ảnh hưởng
và đi bại đến tâm hồn trí não của trẻ con là thế nào rồi.

Còn một điều rất nguy hại cho tinh-thần trong sạch của tuổi
trẻ là có nhiều người làm cha mẹ rất khả-ố, hay giận hờn
nặng nịu hôn hít cùng nhau và rất tục tữ trước mặt con. Như
thế, làm cho đứa con sớm bắt chước những điều lang chạ..

Ngoài sự phòng tránh những điều tệ hại, những tập-quán
xấu-xa bỉ-ối cho con, kẻ làm cha mẹ lại còn phải biết tùy theo
hoàn-cảnh của con do theo sự tai nghe mắt thấy của chúng
trong lúc chúng chung đụng chơi giỡn với lũ trẻ khác mà giảng
giải một cách rành rẽ để chúng phân biệt được điều tốt xấu hay
dở. Nếu điều nào thấy có nguy hại đến tinh-thần con trẻ thì
lập tức phải ngăn cấm hẳn.

Đến đây, tưởng cũng nên nhắc qua cái gương giáo dục của
mẹ thầy Mạnh-Tử nước Tàu, hay là cách gia-đình giáo-dục của
người Á-đông.

« Thầy Mạnh-Tử, thuở nhỏ, nhà ở gần bãi tha-ma. Thấy
« người ta đi o, chôn, lăn khóc, về nhà cũng dào, chôn, lăn
« khóc. Bà mẹ thấy thế nói : « Chỗ này không phải chỗ con ta
« ở được. » Rồi, bà dọn nhà ra gần chợ.

« Thấy Mạnh-Tử ở gần chợ, thấy người buôn bán điên-dảo,
« về nhà cũng bắt chước buôn bán điên-dảo. Bà mẹ thấy thế lại
« nói : « Chỗ này cũng không phải chỗ con ta ở được. » Bèn,
« dọn nhà đến ở cạnh trường học.

« Thấy Mạnh ở gần trường học, thấy trẻ đua nhau học tập
« lễ phép, sách vở ; về nhà cũng bắt chước học tập lễ phép,
« sách vở. Bảy giờ, bà mẹ mới vui lòng, nói : « Chỗ này là chỗ
« con ta ở được đây ».

« Một hôm, thầy Mạnh-Tử thấy nhà hàng xóm làm thịt heo

« mới về hỏi mẹ : « Người ta giết heo làm gì thế ? » — Bà mẹ nói
« đùa : « Để cho mày ăn đấy » Nói xong, bà nghĩ lại hỏi rằng :
« Ta nói dối rồi ! Con ta thơ ấu, tri-thức mới mở-mang mà
« ta nói dối nó thì chẳng ra ta dạy nó nói dối hay sao ? » Rồi
« bà đi mua thịt heo về cho con ăn thật.

« Lại một hôm thầy Mạnh Tử đang đi học, bỏ học về nhà
« chơi. Bà mẹ đang ngồi dệt cửi, trông thấy liền cắt đứt tấm
« vải đang dệt trên khung, mà nói rằng : « Con đang đi học
« mà bỏ học, thì cũng như ta đang dệt tấm vải này mà cắt
« đứt đi vậy ».

« Từ hôm đó, thầy Mạnh học tập rất chuyên cần, nên về
« sau được thành một bậc đại hiền trong đạo Nho ».

(Liệt-nữ truyện. — Cổ học tinh hoa I)

Người mẹ là một vị giáo-sư thứ nhất của trẻ con. Vậy
người mẹ phải biết cách dạy trẻ như thế mới được.

Nói dối mà phải mua thịt thật cho con ăn, tức là hiều
cái lễ gìn lời nói mà không được nói dối với trẻ và cố giữ
cho trẻ đừng phải có tâm tánh dối về sau này. Cắt đứt tấm vải
đang dệt làm ví dụ thế là biểu cái lễ, học hành cốt phải chuyên
cần ; nếu giữa chừng lại bỏ phế thì ra sự học phải bị gián-
đoạn mà không làm nên cái trò gì.

Bởi nhờ sự giáo-dục khôn-khéo ấy nên khích-lệ được cái
tâm hồn trong trắng của tuổi thơ. Vì vậy về sau, thầy Mạnh
được hậu thế tôn sùng làm Á-thánh. Ấy là nhờ công giáo hoá
của một bà hiền mẫu vậy.



II. — NUÔI LẤY CÁI TINH-THẦN ĐỘC-LẬP CHO CON

Có nhiều người làm cha mẹ bởi cung con quá, nên bất
luận là chuyện gì, từ sự ăn uống đến sự chơi bời của trẻ
con, đều lo-lắng châu tất hết. Chăm lo-sốt-sắng như thế tưởng
là được tròn nhiệm-vụ của người cha thảo mẹ hiền.

Không.

Yêu thương con tuy là một đức tính thông thường, nhưng
cũng đáng quý, đối với kẻ làm cha mẹ Song, bất cứ trăm ngàn
công việc gì của trẻ con mà cha mẹ lại dễ dãi quá chiều, thì
chỉ làm hại con mất cả cái tinh thần tự lập.

Những điều gì chúng làm được thì phải để tự chúng làm.
Dẫu những chuyện, đối với chúng có khó khăn đi nữa, nhưng
cũng phải để cho chúng tập làm lấy. Mặc dầu biết rằng, chúng

sẽ làm không được hoàn toàn, nhưng có thể về sau này, chúng sẽ sớm biết mà tránh được sự hư hoại.

Nếu những công việc gì, thấy có hơi khó thì cha mẹ cứ mãi gánh vác, lo chầu tãi cho con ; như thế, làm cho con sẽ nuôi thành cái tập quán ỷ lại, biếng-nhác. Một mai sau khi lớn cha mẹ, chúng chịu bần khổn khổn khổ bởi bơ vơ, như một thân cây bị trốc gốc...

Trẻ con vừa đúng tuổi đi học, thì cha mẹ hãy gây lấy cái tinh thần tự chủ cho con, nhất là trong phương diện sa-lu-Loạt, công việc hằng ngày và sự học hành cũng thế.

Ví-dụ như giặt diêm áo quần tắm rửa, ăn mặc, xếp đặt mền chiếu, mùng gối, ta nên để cho chúng tự làm lấy. Cả đến vấn-đề học tập cha mẹ cũng phải để tự con suy tìm và phán đoán. Ta chỉ có thể đứng về mặt quản-đốc để sửa chữa những cách hành-vi, hay giảng giải điều suy nghĩ sai lầm của chúng thôi.

Nếu bất luận công việc gì, cha mẹ vẫn làm thay và sắp đặt trước cho con thì đứa trẻ kia chẳng qua là một cái bóng hay một cục bột ướt do hình tròn méo của khuôn khổ. Như thế, về sau này, nó còn có tâm-tư trí lự và óc tự-lập đâu để phán đoán cùng hành-dộng vầy-vùng ở cuộc đời tranh-đấu của chúng ?

Như vậy, thương con chẳng hoá ra bằng mười hại con lắm ư !

Ta cũng nên biết thêm rằng : trước cũ chỉ rõ đại xằng bậy của con, người làm cha mẹ nên dùng lời ngọt dịu nhưng trang-nghiêm mà dạy dỗ.

Có được một cảm tình đặc-biệt biểu lộ ở lời nói, đôi mắt, cặp môi của một người mẹ hiền cha ngay, sẽ cảm hoá được tâm địa nóng-nổi của đứa con con thơ dại.

Sự giáo dục ấy có công hiệu hơn là, khi thấy con phạm lỗi hoặc sắp làm việc xằng bậy thì nổi giận mà cứ tung bưng đánh đập. Ấy là không nói đến có nhiều ông cha bà mẹ có tánh quá nóng nổi, khi chưa phân biệt được đâu phải hay quấy của trẻ đã làm, cứ thấy làm phật ý mình thì bất cứ là roi vọt, là tay chon, vẫn thậm thụt đánh đập tát vả tung bưng tui bụi lại chửi rủa ầm-ĩ.

Như thế rất đại nguy hại cho năng lực trí thức của trẻ con. Bị một giáo-dục vô phu tạc nhẫu ấy, phần đông trẻ con

dắm ra ngây ngô, mờ rồi thần trí như một kẻ khùng ngô. Tội ác ấy chính là cha mẹ đã gây nên.

Nếu vì sự cưỡng-bách và sợ sệt mà phải làm hay phải chữa bỏ, thì chưa phải một giáo-dục có phương pháp: hơn là vì cảm tình và biết phục-thiện mà chữa bỏ thì hay biết chừng nào.

Lại nhiều người làm cha mẹ có tánh rất lạ, nhất là những bà mẹ ở nhà quê thường hay dọa hăm con nào « ông kẹ » mỗi lúc đưa con khóc lóc đòi một vật gì. Thêm vào đó, những người lớn lại thường nói những chuyện tình quí rung-rợn trước mặt trẻ con. Như thế là một điều rất đại hại cho tinh thần nhi-đồng do đó mà tê-lệt, thanh yếu đuối sợ-sệt, mê-tín những chuyện hoang-đường ma quái.

Ta nên thuật lại cho trẻ con nghe chuyện những dũng anh hùng, liệt-nữ, những hành-vi oanh-liệt hiên-ngang của bậc vĩ-nhân trong lịch-sử, nhất là sử của nước nhà, Nên cho chúng đọc những sách loại trẻ có tính chất khoa học.

Ông Platon, nhà hiền-triết Hy-lạp bảo rằng :

« Chuyện đồng thoại (Contes pour enfants) cũng là một thứ tài liệu rất trọng-yếu trong sự giáo-dục văn học nhi-đồng, « Vậy ta nên ưa chọn cẩn thận. »

Vậy gây lấy tinh-thần tự chủ, kẻ làm cha mẹ nên chữa bỏ những điều giáo hoá vô ý thức, cảm dỗ như thế, là một điều cần.

QUANG PHONG.

Quốc-trưởng Pétain đã nói :

« Chiến tranh tàn hại đến hình hài của biết bao dân tộc, lễ tất nhiên cũng làm cho các người thiệt thòi đôi chút. Vậy, trong những sự hao tổn cần thiết, các người hãy lặng lẽ can đảm, và giữ gìn nhân cách để hoàn cần để biết rằng: nước ta tuy bị đau thương trong khoảnh khắc nhưng có quyền phục hưng. »

VÌ SAO TA THÍCH ĐỌC TIỂU-THUYẾT

Quý bà, quý cô, quý ông
Giai đoạn của bài diễn-thuyết hôm nay phải là một bài tựa ấy, mang tên hơi trái đời này : *tâm sự nhà văn*. Một truyện tâm tình ngổ cùng một ngàn năm trăm người, thì chỉ là một truyện tâm tình bộc lộ. Tôi cũng như các bạn khác, lần lược đến phiên, sẽ nêu lên diễn đàn. Hôm nay, đều người ta nhờ tôi làm có hơi khác. Đây chỉ là, như tôi đã nói với quý bạn, một bài tựa, và nếu quý bạn muốn, chúng ta cùng nhau đặt ra ba câu hỏi :

« Tại sao một số đông người lại cảm thấy sự cần đọc tiểu thuyết ? Tại sao, một khi sự cần thiết ấy biểu hiện, lại có những người khác, ít hơn, đi hy sinh đời họ để viết nên những thiên tiểu thuyết do nhóm người trên mong ước ? Và rồi lại làm sao, với những phần tử gì, mấy tiểu thuyết gia ấy giàn nên những truyện tưởng tượng như vậy ? »

Ước gì sự cần đọc những hư văn ấy biểu hiện đi, tôi chắc các bạn không ngờ đến. Tôi vẫn biết, lúc gần đây có nhiều nhà phê-bình nói đến « cái chết của tiểu-thuyết » song những thầy ma họ giết vẫn sống mạnh giỏi như thường. Ở Pháp như ở Anh, văn học tiểu-thuyết có nhiều kết quả đẹp trong lúc này hơn vào lúc trước giặc (1914-1918). Ở Mỹ là nơi người nói với chúng tôi, mà cuộc đời vật chất đã đến lam suy nhược hường vì yêu quý sự tưởng tượng chúng tôi nhận trai lại rằng những nhà văn có quanh họ một nhóm độc-giả lan rộng đông hơn nữa.

Vậy đó là một sự cần thiết bao đồng. Nhưng, nếu ta để tâm suy nghĩ, sự cần thiết ấy có hơi kỳ lạ. Chúng ta bội hiệp tại đây hôm nay, một số đông đàn ông và đàn bà : trong cuộc đời hằng ngày, chúng ta đều có những hoạt động thiết thực : hồi sớm chúng ta lo việc chúng ta, hoặc việc quốc gia ; chúng ta đã thương hay đã ghét. Nhưng, hết thảy chúng ta, chiều nay, mai, chúng ta sẽ dở một quyển sách trong đó chúng ta gặp lại một bức ảnh sai lạc của những chuyện thiết đã xảy ra mà khi đọc đến sách đó, chúng ta sẽ quên mãi trọn đời.

Tại sao ? Chúng ta đều biết, hay chúng ta tưởng biết rõ những mối liên lạc giữa ông chồng và bà vợ trong một gia đình. Song le, hết thấy chúng ta sẽ vui thích khi thấy những sự liên lạc ấy được phô diễn bằng cách nào trong một quyển như « Anna Kna-lê-nin » (Anna Karénine) của Tolstoi, hoặc như « Bức thư chúc hôn » (l'Epithalame) của Jacques Chardoun. Tại sao ? Chúng ta đều biết, hay chúng ta tưởng biết rõ những mối liên lạc giữa người cha với mấy đứa con, nhưng hết thấy chúng ta, như ông cha ta thuở trước, sẽ thấy một ích lợi lớn, khi xem xét những mối liên lạc ấy trong « ông cụ Gô-ri-ô » (de Père Goriot) của Balzac, hoặc trong « Thánh Sã-túy-nin » Saint Saturnin) của Jean Schenmberger. Tại sao ? Cả chúng ta, gần hết chúng ta, ai nấy đều có dịp xem xét trong nhà cửa mình hay trong nhà cửa của bà con mình một nữ-tý già nửa tuổi tác, nhưng hết thấy chúng ta sẽ nhìn với sự vui thích vô biên hình ảnh của một người tờ già dưới tên Phăng-soa do Proust hoạ lại cho chúng ta. Lại một lần nữa tại sao ? Tại sao lại có sự cần thiết lạ lùng là đi tìm những hồi hộp nhân tạo ấy ? Cuộc đời thật lẽ há không đủ sức đem đến cho ta những tình cảm mạnh mẽ, hơi êm dềm chẳng ?

..

Câu trả lời thứ nhất nảy ra trong trí tôi có lẽ là câu này : không, cuộc đời mới, cuộc đời của một Nước văn minh, không có thể đem lại cho con người số tình cảm mà người ấy đã có trong trăm ngoài thời đại và con số ấy đối với y trở nên một cần thiết. Thật vậy, trong đời ta vẫn còn những tình cảm dư lại. Có những tình cảm gồm ghê, lại có những tình cảm nồng nàn. Tình thương, sự chết, nỗi hiểm nguy lòng ước muốn, làm cuộc đời trở nên một lần trở khá hoạt động. Đối với số quá nhiều người khổ nạn, vào lúc này, cảnh tất nghiệp là một bi cảnh ghê sợ. Song, quý bạn thử so sánh cuộc đời bình thường của chúng ta với cuộc đời của một trong những tổ tiên xa lắc của ta sống trong rừng sâu nước độc.

Những tình cảm người có, đến không ngưng và gần như vô tận. Chính cuộc đời của người cũng luôn luôn bị đem ra bàn soạn. Thật hiếm cho người tìm được một đôi giờ yên tĩnh ; một tiếng động còn con cũng nhắc lại sự vô đáp của một thu dữ ; một trận giông nhỏ là cơn giận dữ của một hung thần. Về lương phạn, người hoàn toàn ỷ lại ở những mùa màng, sự may rủi. Quý bạn hãy tưởng tượng sự lo lắng đến bực nào một khi

con thit thiếu đi và những trái cây thúi cả. Ngoài một vài cảnh đói khổ, giết giã hoặc cách mạng, chúng ta sống trong một yên tĩnh tương đối. Nhưng trong cảnh thái bình ấy, rất mới đối với giống người, người ta thấy một đối phương mới thay thế những kẻ cựu thù, đối phương ấy không phải là kẻ đáng sợ và đó là sự phiền chán. Sự phiền chán ấy, không rời xa một nền văn minh quá bằng phẳng nào, có lẽ giải nghĩa được một phần sự cần đọc tiểu thuyết.

Từ luận đề trên, chúng ta có thể tìm ra ngay một ước đoán trong tình trạng sau này : không bao giờ trong những thời loạn lạc, trong những lúc mà con người mất sự thái-bình ấy, lại có viết những thiên tự thuật vĩ-lại của người đời. Quý bạn hãy xem nước Pháp vào khoảng 1785-1815. Cuộc đời người Pháp lúc bấy giờ thật nguy hiểm ; cho đi từ loạn « Khủng bố » đến những giấc Đế-quốc. Sự sản xuất tiểu-thuyết ra sao ? Nó gần như không có gì hết. Trái lại vào năm 1815, trong lúc những người Pháp nhờ cuộc Phục-hưng, tìm lại vừa sự trật tự trong nước vừa sự thái-bình ở biên-thùy, bắt đầu một loạt với Chateaubriand, rồi với những nhà văn lãng-mạng, rồi với Balzac, là một thời-kỳ sản xuất tiểu thuyết rất vĩ-dại. Quý bạn cũng tìm được tình trạng như vậy trong thời-kỳ đại chiến. Từ 1914 đến 1918, người sống trong một tình thế của cơn nguy gần như hằng ngày ; sự sản xuất tiểu thuyết là con số không. Sau 1918, trái lại quý bạn thấy mọc lên, không chỉ ở nước Pháp mà thôi, nhưng trong cả hoàn-cầu, một thể hệ tiểu thuyết gia mới.

Mặc dù bề ngoài, và loại những người mà vẫn có một trí tưởng tượng mạnh mẽ, biết thưởng thức những hoàn cảnh thật bình dị ra, cuộc đời văn minh là một cuộc đời thường tối mờ. Làm sao hoạt động nó lên ? Các bạn cho rằng người ta làm cuộc đời hoạt động bằng cách đeo đuổi những cuộc phiêu lưu mạo hiểm thiêu thân ? Phải, có lẽ đúng : luôn luôn có, và luôn luôn sẽ có ở hoàn cầu sự phiêu lưu cho những người đáng mặt phiêu lưu. Nhưng mấy sợi giây liên lạc kéo chúng ta lại nhiều quá. Ở mỗi một người văn minh nào cũng xảy ra một cuộc xung đột ngày dờ giữa ước vọng phiêu lưu là nguồn gốc tánh lãng mạng cá nhân với tình cảm xã hội hạ mệnh, tự nó gần như trở nên một thú tánh và cản trở lại, bằng những lý lẽ mà chúng tôi gọi là luân-lý không cho theo đuổi những cuộc phiêu lưu thiệt. Chúng ta chịu qui phục, chúng ta xô lùi lại (như những người theo học thuyết Freud nói) sự cần thiết

tánh nhu cần và tánh lãng mạng, chỉ vì trước hết chúng ta là những người trong nhóm quần xã hội. Nhưng chúng ta thấy đau đớn, chúng ta thấy cần một tự động thể vào mà chỉ có tiền huyết là có thể đem đến cho ta

Hết thấy mấy cô gái nhỏ đều thấy vui thích đọc « Những nỗi đoạn trường của Tô-phi » (Les malheurs de Sophie). Tại sao ? Vì hết thấy mấy cô ấy muốn làm những cử chỉ bị cấm đoán và nguy hiểm. Mấy cô ấy không thể làm theo được vì mấy cô biết rằng bà mẹ hay đi vù sẽ phạt, nhưng mấy em ấy thấy vui thích làm theo, không ở hành động, nhưng trong lý tưởng, qua vai chủ động là Tô-phi... Người nào lại không mong yêu một nàng công-chúa Nga, thật đẹp và thật kỳ dị ? Nhưng trước hết là phải quên với một nàng. Rồi, đối với phần đông chúng ta, quả là một chuyện vô hy vọng. Còn đây thật vừa dễ dàng và ít nguy hiểm hơn là đi yêu nàng Na-ta-sa (Natacha) trong « Binh đao và Thái Bình » (Guerre et Paix). Do những tình yêu không thật ấy, những cuộc đời quá ít ỏi về ái tình được sáng sủa thêm.

Người ta thuật lại rằng, khi Dumas từ sai cất ở Paris một nhà hàng, người cô giắt cha đến xem nhà. Đó là một trong những ngôi nhà nhỏ ở Paris, cái vườn còn con bị bọc kính giữa những bức tường quá cao. Dumas cha nhìn rất lâu cái vườn nhỏ âm u, như đang nghệt thở giữa mấy bức tường cao, rồi nói với con :

— Thật tốt, Alexandre à ; nhưng con phải mở cửa sổ ở phòng khách của con để cho gió vào vườn.

Dường như câu chuyện vật ấy là một biểu hiệu hơi tiện cho chúng ta khi chúng ta đọc một quyển tiểu-thuyết ; chúng ta mở cửa sổ phòng khách, nghĩa là nhân tạo rồi, để cho vườn hoa được thoáng khoáng, nghĩa là cuộc đời thực tế vậy. Và đó là chức vụ thứ nhất của tên thuyết.

Còn tiếp)

B. N. T. dịch

CÂU-THÁ TRONG VĂN-CHỮ'ÔNG

Viết sách và báo ngoài cái mục đích thiên cần : giải trí độc giả, còn là một lợi khí để truyền bá học-thuật tư tưởng. Muốn thế và muốn như vậy là phải, vì hiện thời, người ta biết chuộng cái học thuật vị nhưn sinh hợp lý hơn (xem chương trình cải cách giáo dục pháp năm 1942) — ta cần phải có một lời văn sáng sủa, gọn gàn và trong khi dùng chữ, phải chọn lọc kỹ, loại bỏ những chữ mà người ta có thể thay thế bằng một chữ khác để hiểu hơn. « Nói « vũ hám phong chàng » thì nói nôm ngay là : « Mưa đập gió lay » có phải vừa thông thường, vừa dễ nghe không » (Vũ ngọc-Pan kể).

Nhiều người nhận rằng những tác giả Chính phụ, Cung-oán, Kiều và những tập thơ khác sản xuất cùng một lúc ấy dùng qua nhiều điển tài nên dần dần chỉ còn một ít người hiểu để đọc một cách rành rọt. Chúng ta thử dò một trang nào đó trong Cung oán ngâm-khúc ra xem :

*Câu cầm-tú đàn anh họ Lý,
Nét đàn thanh bực chị chàng Vương.*

*Lầu đài-nguyệt đứng ngồi dạ vũ,
Gác thừa-lương giấc ngủ thu-phong.*

Nếu trong lúc viết ra hai câu trên, tác giả chịu khó bước móc trong rừng văn chương Việt Nam một thi nhưn nào hay nhất, hoặc trong họa giới một người nào có một nét vẽ tài tình nhất để so sánh thì có phải là lợi cho văn chương ta không ? Phải chi mỗi lần giảng đến câu ấy, nhà giáo khỏi phải nhắc lại tên một anh chàng họ Lý đời Đường bên Trung quốc, nhắc đến tên một thi bá Việt Nam đời Đinh, Lê, Lý hay Trần nào đó của ta thì hay biết chừng nào ?



Thuở nhỏ, thế nào cũng có một vài bạn đọc bài này có chơi « đá gà », Đá gà có hai người. Mỗi người nhỏ một cọng cỏ may, bỏ rỏ, rồi vuốt cọng cỏ từ đầu ngọn đến cuối để một chất nước trong thân cỏ tụ lại ở đấy. Hai bên đối thủ cho hai cọng cỏ chạm nhau nhẹ nhẹ ở chỗ có tụ chất nước. Nếu chất nước ở cọng cỏ tôi mà bị chất nước ở cọng cỏ bạn hút hết tất

là bạn thắng cuộc. Bạn có dễ ý tất thấy rằng bạn thắng là nhờ chất nước đọng lại ở cuối thau cỏ của bạn nhiều hơn của tôi. Đây không phải là một hiện tượng lớn lao, nhưng có thể đem góp chung vào cái luật tương quần vũ-trụ của New-ton. Đó chỉ là một kỷ nhân nhỏ tôi ghi lại đây là cốt đem so sánh với sự dụng chạm của hai văn-hóa. Sự dụng chạm ấy đem lại một cuộc biến đổi, không lớn thì nhỏ, cho văn-chương của nước kém hơn, nếu nước sau này biết hấp thụ và điều hòa tư tưởng mới để khỏi bị chi phối hẳn như cộng cỏ trên kia. Hi nền văn-hóa Đông Tây có khác nhau, tất nhiên trong lúc phổ diễn tư tưởng mới, chúng ta không khỏi mượn tiếng nước ngoài.

Ngoài những chữ có một công dụng phổ-thông ai cũng hiểu như sa-lông (salon), cái tách (tasse), xà-bông (savon), tủ búp-phê (buffet) v... v... là những chữ cụ-thể, chúng ta còn phải mượn chữ Hán để dịch ra từ ngữ pháp thuộc loại khoa-học triết-học, vật-lý-học... chứ không thể theo lối diễn-âm (transcription phonétique) như trên mà viết pessimisme là bết-si-mích hay matérialisme là ma-tê-ri-a-lích được.

Ngoài hai trường-hợp trên đây, khi muốn dùng một chữ không có trong Việt-ngữ, chúng ta cần phải thích nghĩa ở cuối trang hay mở một dấu ngoặc (ở bên cạnh để những người đặc Việt-Nam có thể hiểu được. Nếu có người đọc Cung-oán không hiểu họ Lý là ai, dạ vũ là gì thì cũng có người không hiểu bô-ê-miêng là gì khi đọc một truyện ngắn trong một tờ tuần báo nọ. Bô-ê-miêng (sao lại có g ?) là diễn âm của một chữ pháp bohémiens, là những người đờn hát, tha phương cầu thực. Muốn diễn đạt hết ý nghĩa chữ bohémien, chúng ta cũng có nào giảng-hồ phiên âm, nào cầu thực tha phương lựa là phải mượn chữ bohémien (lại không thích nghĩa), không thuộc loại diễn-âm phổ-thông, lại cũng không phải một từ ngữ về triết-học hay khoa-học.

Làm giàu cho Việt-ngữ bằng cách diễn-âm những chữ na-nà như thế tức là làm như cho văn-chương ta va gây sự khó khăn cho những người lớp sau khi muốn tìm hiểu bô-ê-miêng là nghĩa gì, cũng như một phần đông chúng ta bây giờ, muốn tìm hiểu nghĩa một chữ pho cũng là một việc hơi rắc rối. Xưa trước đã đổ xe sau phải tránh.

Lại càng không nên hơn nữa là dịch một thành-ngữ Pháp. Một người Việt-Nam đặc không hiểu thế nào là cười mũi (rire au nez de quelqu'un), thế nào là một đêm trắng (nuit blanche) ít ra người ta cũng phải giải thích những chữ đã dùng mà không có trong Việt-ngữ. Và lại, nếu không dùng đến thành ngữ Pháp để

dùng toàn chữ của ta sẵn có, thì có phải ta giữ nguyên được cái tính cách đặc-biệt Việt-Nam không ? Một lẽ nữa, chúng ta không nên mượn chữ như thế vì cười mũi, đém trắng đối với độc giả biết ít pháp văn lại còn tối nghĩa nữa, mà tối nghĩa là một lỗi tối kỵ trong một văn phẩm có tính-cách phổ-thông.

Một người ngoại-quốc căn cứ vào cái nền học phổ thông để nhận chơn cái trình-độ học thức của dân chúng hơn là căn cứ vào một số ít người đầu cao. Vậy tính cách phổ-thông là một điều kiện cần yếu cho một nền học thuật vị thôn sinh.

Muốn có tính cách ấy, và giữ cho văn chương ta một vẻ đặc biệt Việt Nam khỏi phải lai nhiều thứ để sản xuất một loại văn tương tự như câu này : « làm bài rồi, loa với mỗ đi xực hũ tiểu chơi » pha lẫn đủ tây, tàu và ta. Những người cầm viết chỉ nên thận trọng hơn một chút là đủ để tránh sự cầu thả lười biếng trong khi phổ diễn tư tưởng.

Đọc đến đây, không khỏi có người cho là chuyện nhỏ nhặt, tỉ mỉ, « nhưng lẽ phải muốn rằng chúng ta phản động lại lối viết cầu thả, thông thường, nó tổ cáo một trí nghĩ dễ dãi, lười biếng, đi theo cái trào lưu ồ ạt của quần-chúng mà không suy xét. Lịch sử ngôn ngữ cho ta thấy rằng một tiếng nói càng tiến hóa nhiều, càng tinh vi bấy nhiêu. Và các đặc điểm của sự tiến bộ về trí thức chính là khối óc phê phán, biết nhận xét suy lý từng động tác của mình, dẫu rất là nhỏ mọn tầm thường ». (Tảo-Trang : Chiếc gạch nối liền giữa họ và tên người, Thanh-nghị số 19).

Cũng đồng ý-kiến ấy, tôi mới thêm vào đây một nhận xét nhỏ nhặt nữa, không thuộc về loại chữ dịch mà cũng không phải là một chữ ngoại quốc có thể rung phong vào hàng đội Việt-ngữ mà vẫn giữ nguyên thể. Ấy là chữ « le » (lọc theo giọng pháp) và những Janvier, Février,... Décembre để chỉ tháng của người Pháp.

Có lẽ ông, bạn ông đều được đọc những bức thư khởi đầu bằng:

Saigon, le... Octobre 1939 hoặc

Mytho le... Novembre 1940, v. v..

Sao người ta lại không viết :

Saigon, ngày... tháng 10, 1939

trong khi toàn bức thư chỉ viết bằng quốc-ngữ ?

Có người thuật lại với tôi rằng có một em nhỏ đọc thư cho cha mẹ nó nghe, lại đọc chữ « le » trong : Saigon, le... Octobre 1939, theo giọng Việt !

Nhưng đây là một bức thư riêng cho một người đọc. Trong những bài báo hoặc tác phẩm văn chương, chúng ta cũng thấy : « *Viết xong tại Hanoi ngày 7 Janvier 1940* », ở đây bớt được chữ « le » nhưng còn chữ « Janvier » chỉ tháng. Đọc câu có chèn chữ Pháp « Janvier » vô, chắc ít có người lạ tai. Nhưng đến câu quốc ngữ có chèn chữ Anh hay Nga vô (chữ : *Viết xong tại Hanoi ngày 7 January 1940*) chắc hầu hết đều giựt mình. Duyên cớ chánh của sự thối bại đó là lúc đầu chúng ta quá dễ dãi dung túng cho những chữ « le » và « Janvier, Février, Décembre » ngày nay gần như nhập tịch hẳn vào Việt ngữ mà vẫn giữ nguyên thể.

Người Việt-Nam không có tiếng chỉ ngày, tháng hay sao ? không có tháng giêng, tháng hai... tháng chạp ?

Có người sẽ cãi rằng câu « *Viết xong tại Hanoi ngày 7 Janvier 1940* » không ở trong phạm-vi tác-phẩm. Biết thế, nhưng câu đó lại là của tác-giả văn-phẩm ấy.

Muốn cho những sự dễ dãi, lười biếng ấy không có đất dung sống trong văn-chương Việt-Nam, trong mỗi độc giả cần phải có một sức phản động tiềm tàng và nhạy như ngòi thuốc pháo để tẩy sạch những vết bợn kia dầu là nhỏ nhất, tỉ mỉ, cốt để một câu Việt-ngữ còn giữ lại được một chút hồn Việt-Nam.

HƯƠNG-TRÀ



DỊCH CỔ VẤN

BÀI KÝ ĐỀ TÊN Ở GIẢN-VIỆN (1)

TƯ - MÃ - QUANG (đời Tống)

Ông tên tự Quát Thiệt, người làng Phú thủy, Huyện Hạ Châu Thiểm 2) tuổi thi đậu Tấn sĩ giúp vua Triết Tôn nhà Tống, sửa đổi phép mới, coi việc thiên hạ như việc của mình. Người nước Liêu không nể sợ không dám phạm để biên thùy. Người ông mến, trăm họ tôn kính như cha mẹ. Phò mã nước Ô quốc Công. Tên hàm thụ (Thụ) là Văn Chánh.

Đời xưa không có đặc ra chức quan để can ngăn. Từ quan công kia, đại phu cho đến kẻ thợ thuyền buôn bán. Chẳng có một người nào mà chẳng nên can ngăn. Từ đời nhà Hán trở về sau mới có đặc ra chức gián-quan. Ôi! chánh trị trong thiên hạ, nhưn dân trong hỗn biển, việc đặng việc mất việc lợi việc tệ, ở nơi một gián quan, nên phải suy xét cho rõ ràng kỹ lưỡng rồi sẽ nói, cái trách nhiệm ấy thật là nặng nề lắm.

Người được bổ vào làm chức ấy, phải chú ý đến sự tình lớn lao mà bỏ cái tánh nhỏ mọn, phải lo lắng công việc gấp trước, mà việc hoãn đãi sau, Cấm lo sự ích lợi cho nhà nước mà đừng mưu lấy sự lợi lộc riêng cho mình, kìa những người đầu đầu cầu danh, cũng như những người đầu đầu cầu lợi một thứ, có phân biệt gì lắm đâu? Dẫu viên hiền Thiên-Hỷ, vua Chơn-Tôn có xuống tờ chiếu đặc ra sáu viên gián quan, để giao phó cho họ lấy chức vụ ngôn ngôn. Qua đầu năm niên hiệu Khánh-lich (vua Nhơn-Tôn). Tiền quan mới biên tên các gián quan vào tấm bảng bằng cây. Quang này, sợ lâu năm rồi sợ tên họ gián quan lu mờ mất đi, nên đến niên hiệu Gia-hựu năm thứ 8, xin khắc lên vào đá cho người đời sau chỉ ngay vào tên các gián quan mà bình luận: ông này trung, ông kia dối, ông này thẳng, ông kia vạy. Than ôi! như thế há chẳng sợ lắm thay!

THƯỢNG-TÂN-THỊ

(1) Giản viên là nhà công 3 các gián quan làm việc như bây giờ Đốc Sát Viên. Để danh nghĩa là để tên các gián quan trước vào trong tấm bảng đời vua Nhơn Tôn Tư Mã Quang kán trí Giản viên cho nên ông mới làm bài ký này.

Bài ký con chuột ở nhà họ Mộ đất Vinh⁽¹⁾

LIÊU-TÔN-NGUYỄN (ĐỜI ĐƯỜNG)

Ông tên tự Tử-Hậu, người nhà Đường, thi đậu lần sĩ, lại đậu khoa Bác học hồng từ, làm quan tới Giám sát Ngự sử, theo phe đảng Vương thức Văn bị tội, phải biếm làm Tư mã Vĩnh châu. Ông làm văn rất tấn phát, cùng với Hàng Dũ nổi tiếng, đời gọi ông là Liễu Liễu Châu.

Ở đất Vinh có một họ Mộ, tánh hay câu nệ và hay kiêng cử. Ông ta sanh nhằm năm Tý. Chuột là thần tý (2), nên ông ta thương chuột, không nuôi mèo, cấm nhắc dứa ở trong nhà không được bắt chuột, kho lẫm bếp núc, để cho chuột tự tiện khuấy phá, từ đó chuột báo nhau lại nhà ông ta ăn no, không lo tai họa. Bây giờ trong nhà ông ta, đồ đạc không còn cái nào nguyên, đá áo không còn cái nào lành. Còn đồ ăn thức uống, đều là món thừa thải của chuột cả. Ban ngày chúng nó nhung nhúc cùng với người đi lại thông thả.

Ban đêm chúng nó đua nhau khởi cạp, khua động sột sạt, muôn ngàn biến loạn. Không thể nào ngủ yên được. Thế mà ông ta chịu được, không lấy làm chán nản. Vài năm sau ông ta dời nhà đi ở làng khác. Người chủ sau đến đó ở, loài chuột cũng ăn quen, làm như thói cũ. Người chủ sau ghét chuột, bèn đi mượn năm, sáu con mèo đem về, đóng cửa giữ ngói, đổ nước trong làng, bao vây bắt sạch giết chuột chết chắc đông như gò đá. Kia loài chuột, nó tưởng ngày ngày được ăn no, không có gì tai họa, nên nó mới coi làm thường.

THƯỢNG-TÂN-THỊ

(1) Đất Vinh tức là Vinh châu, nay thuộc về huyện Linh Lăng, tỉnh Hồ Nam.

(2) Theo lịch Trung quốc cho năm Tý thuộc về « thữ » (chuột). Sửu thuộc về « ngưu » (trâu). Dần thuộc về « hổ » (cọp) Mão thuộc về « thỏ » (mèo) Thìn thuộc về « long » (rồng) v. v.,...

ĐOẠN TÌNH

Tiên-thuyết của
Hồ Biền Chánh

KHÁCH ngồi vừa yên thì bồi bưng rượu mời khai vị. Mấy vị tân-học mặc quốc-phục, vị nào cũng biếu rót rượu mạnh thiết đạm, rồi cụng ly với nhau. Bàn đầu còn có thứ tự câu chuyện nghe êm ái. Uống được vài tuần rồi, không hiểu vì bị ông men hành, hay là vì nhớ lẽ nghĩa quen thuở nay, mà mỗi vị đều ông tiểng om sòm, ai cũng nói hết thấy, tuy ai không thêm nghe ai, kể nói người lạ, chẳng khác nào trong sân đá banh, thiệp hạ nhao nhổ lúc banh lọt vô lưới vậy.

Thuần thấy thái-độ hai bàn khác nhau, một bên ồ-ào, một bên trầm tĩnh, thì trong lòng khó chịu, rồi dấu vợ chồng Kiềm biếu đi về. Kiềm châu mày suy nghĩ, có lẽ thăm tính kẻ thoát thân. May tiệc gần mãn, mấy ông quốc-phục bây giờ muốn khiêu-vũ, nên xin mấy bà ngồi cái bàn ngang đứng dậy dặng họ dọn cho trống chỗ mà nhảy. Bàn khiêng đi rồi, bởi chưa kịp quét, mà họ đã đốc nhạc đánh lên, rồi có ông thì cặp đàn bà, có ông thì cặp anh em bạn mà nhảy. Có một đờn rút từ cườ, là có hai ông ôm nhau nhảy rồi té lăn cù đứng cụt gây trận cười cho bọn tữu-bảo Ch - a. Còn có một đờn đàng tức cười hơn nữa, là có một vị tân-học mặc áo bà ba trắng, quần di mớ di quét, tóc xấp-xải xuống mặt, mà cụng ôm một người phụ nữ mà nhảy, sắc mặt hân hoan như thường không dè việc mình làm đó là một việc nhục nhã, nhục nhã cho mình, nhục nhã cho người cặp với mình mà nhảy, mà cụng nhục nhã cho điệu khiêu vũ là cái điệu vui chơi thanh nhã của người Âu-châu.

Nhờ có khiêu-vũ lộn xộn, nên Thuần mới kén vợ chồng Kiềm mà rủ về, rồi dắt nhau đi êm, không thêm giả từ ai hết, dường như chạy trốn cho khỏi cái chỗ nhục nhã gớm ghiếc vậy.

Kiềm cho xe chạy lên đường Bình-hoà, tính về ngã lạng Cha Cả dặng bưng gió một chút. Thuần ngồi một bên Kiềm, cái quang cảnh tối tệ dơ dáy hồi nầy còn chằng ràng trước mắt, làm cho trong lòng khó chịu, nên buồn rầu, không nói chi hết.

Chừng xe ra tới đường trồng, Kiềm mới nói với Thuần : « Mỗi lần thứ nhứt mỗ thấy tiệc cười như vậy đó. Nếu mỗ biết trước, dẫu Thâm nó lay mà mời mỗ cũng không tiếm đi. Mỗ xin toa tha cái tội mỗ ép buộc toa đi với mỗ đó. Ma-dam Thuần ở nhà thiệt là may lắm »

Bà Kiềm ngồi một mình ở phía sau, bà tức giận quá, dẫu lòng không được, nên bà nói lớn : « Khốn nạn hết sức ! Lời

thề từ rày sắp lên tôi không dự tiệc với đám tri thức đó nữa. Họ không biết ẽ nghĩa gì hết, không phải Tây mà cũng không phải Annam ».

Thuần day lại mà nói với bà Kiêm :

— Bị giận đáng lắm, bởi vì người ta thất lễ với phụ-nữ nhiều. Mà hai anh em chúng tôi đây thuộc trong bọn tân-học, chúng tôi còn giận nhiều hơn nữa. Họ làm nhục cả bọn chúng tôi hết thấy.

— Phải, họ làm xấu chung cho cả bọn.

— Chớ chi trong tiệc duy có bọn chúng tôi mà thôi, thì họ muốn vui chơi cách nào cũng được. Ngặt vì trong tiệc có cả trăm người, có đờn-bà, có người sang trọng tử tế, có mấy ông Tây, có một đám tể-bảo, rồi đây những người ấy họ sẽ bình phẩm về nhơn cách, về giáo dục của bọn chúng tôi mới là khổ. Thuở nay bọn chúng tôi thường khoe khoang : « Thanh-niên tân học là hy-vọng của nước nhà là hoa thơm của non sông ». Chết từ rày người ta sẽ lấy quang cảnh bữa tiệc này làm bằng cớ mà nói : « Non sông có những hoa như vậy coi do chớ không đẹp ; nước nhà có thanh-niên tân-học như vậy ắt thất vọng chớ không phải hy vọng ». Họ nói như vậy rồi chúng tôi làm sao mà cãi với họ ?

Kiểm liền thở ra mà đáp với Thuần :

— May trong bọn tân học còn nhiều người khác nữa chớ chẳng phải bao nhiêu đó

— Nói ngay ra thì anh em họ phiền, chớ mớ coi trong bọn mình có nhiều người họ không kể luân lý, không biết giáo-dục gì hết, họ chỉ trờ nghĩ phương được làm cho có tiền đâu phải dùng phương pháp nào cũng được ; có tiền cho nhiều dặng hưởng, dặng sung sướng xác thịt, dặng loè lét bề ngoài, họ không kể gì đến mang vạ của nước nhà, đến luân lý của xã hội, đến quyền lợi của chung tộc.

— Toa nói trúng lắm, Mỏ cũng thấy như toa vậy. Mỏ lại thấy cái lượn sóng vô luân lý, vô giáo dục này nó càng bủa mạnh thêm hoai, nếu không ai lo phương mà ngăn cản thì nó sẽ tràn khắp trong nước, rồi cái xã-hội Việt-Nam, khi xưa tôn trọng đạo đức nên được cao thượng cứng cỏi, sẽ thành ra một xã-hội hỗn độn tham lam, nên phải thấp hèn yếu ớt. Nền luân lý xưa của chúng ta đã xiêu ngã, bây giờ cần phải bồi đắp lại cho mau, phải tập cho người mình có cái óc tấn thủ cho cứng cỏi, có cái chí lập gia đình cho vững chắc, có cái

lòng ai quốc cho nòng nà, thì hoặc may mới khỏi hổ với thiên hạ.

— Toa làm giáo sư, toa có cái thiên chức giáo dục. Đó là phận sự của toa.

— Một mình mỗa mà chống muôn xe sao nổi !

— Toa cũng phải rán, chẳng nên thôi chí.

Câu chuyện mới tới đó thì xe đã tới nhà Thuần nên ngừng. Thuần từ giả vợ chồng Kiềm rồi mở cửa rào đi vào, đường kia nẻo nọ ngồn ngang trong trí.



III

THƯỜNG ngày cô Hòa ngủ đến 7 giờ cô mới thức dậy. Mãi bữa nào cũng vậy, hễ cô dậy thì cô thấy Thuần đã dậy trước rồi khi đi thơ thẩn ngoài sân mà xem bông, khi thì lui cui xách nước tưới kiếng, khi thì dắt con đi lên xuống ngoài lộ.

Bữa nay đúng 7 giờ cô cũng thức dậy, nhưng mà cô thấy Thuần vẫn còn nằm ngủ im lìm. Vì hồi hôm Thuần về cô không hay, cô tưởng Thuần ăn tiệc rồi ở khiêu-vũ chơi đến gần sáng nên mới ngủ trưa như vậy, bởi vậy cô đi nhẹ xuống lầu, cố ý muốn đề em cho Thuần nghỉ. Cô coi ch. bởi lướt cà-phê, nướng bánh mì, soạn bột gà, đặt g. cho Thuần thức dậy có sẵn mà điếm lăm.

Quả 8 giờ Thuần mới thức dậy.

Thấy Thuần xuống lầu, cô Hòa mới hỏi :

— Thế khi gần sáng mới về hay sao nên ngủ trưa d. vậy ?

— Không. Hồi hôm tôi về tới nhà mới 11 giờ 10. Vì tôi phiền quá, nằm trần tr. hoài, gần 4 giờ tôi ngủ mới được nên sáng mệt, dậy không nổi.

— Phiền ai ?

— Anh em dự tiệc đám cưới họ tr. giống tôi bại, làm xấu hổ cả bọn hết thấy. Tôi cáo từ không chịu đi thì hay quá, tại anh Kiềm đốc đi, nên tôi mới thấy việc khốn nạn như vậy.

— Họ làm sao mà mình phiền ?

— Để tôi có rảnh rồi tôi sẽ thuật lại cho mình nghe.

Cô Hòa không hỏi nữa, cô mở máy lạnh mà lấy bơ tại. bưng th. đùi heo đem ra, kêu bồi biếu l.ộc bột gà, pha cà-phê rồi kêu bé Hậu lại dâng ăn lót lòng với cha mẹ.

Thuần ngó đồng-hồ, thấy đã 8 giờ rưỡi, nên ăn riết đứng thay đồ mà ra h.àng. Ch.ờng Thuần sửa soạn ra lấy xe mà đi, cô Hòa bèn nói :

— Chị Vân gọi thợ nôi chị lên ở chơi với tôi ít bữa, song từ khi mình cất nhà rồi tới nay chị không có lên, chị không biết mình ở chỗ nào, nên chị biểu tôi 11 giờ trưa này ra ga xe lửa đón chị. Chẳng 10 giờ mình biểu sếp-phơ đem xe về cho tôi đi được hôn?

— Được chứ. Hễ tôi ra tới Saigon tôi biểu đem xe về liền.

— Thôi mình đợi tôi rồi 10 giờ tôi đi một lượt với mình.

— Tôi phải ra trước ngoài hãng coi có việc gì hay không, nhứt là phải lo tính vụ xe đặng thím xăm.

— Mình muốn đi gấp thôi thì đi đi.

Thuần ra đi. Cô Hoà phẫn, vì cô thăm-nghe trong trí mà cho sự chông đi trước đó là cố ý không muốn đi chung với mình.

Tuy vậy mà cô không lo sự phiền ấy cho người trong nhà biết, cô vẫn coi cho mấy đứa ở quét nhà, lau ghế, chải tủ, dọn dẹp như mỗi ngày.

Chưa tới 9 giờ rồi mà sếp-phơ đã đem xe về rồi. Cô Hoà kêu con xăm mà biểu xăm gọi và thay đồ cho bé Hậu, rồi cô lên lầu sửa soạn đặng đi Saigon. Vì cô thai nghén nên cô không mặc đồ màu, cô mặc một bộ đồ trắng mới may, cô đổi mặt thiệt khéo, cô gỡ đầu tiệt lạng, rồi cô đeo xỏn vô nữa, nên dầu tướng mạo của cô không có cái dáng thanh nhã, song cũng có cái vẻ sang trọng.

Quá 10 giờ cô dắt bé Hậu lên xe, biểu con lên ngồi phía trước với sếp-phơ, rồi dặn xe chạy ra nhà ga xe lửa Mytho. Ra tới ga thấy còn dư giờ nhiều, cô bèn xuống xe đi dài theo mấy tiệm, biểu con xăm hong bé Hậu đi theo, coi đồ bán chơi. Cô mua cho con một cái kèn, một trái bánh, rồi quần đợ gần 11 giờ cô mới trở lại nhà ga, biểu con xăm mua giấy rồi dắt nhau vô trong vòng chờ xe đậu mà đón cô Vân.

Nghe sập lè một chầu rồi ngó thấy xe lửa rần-rần chạy tới. Bé Hậu mừng rỡ nên đứng vỗ tay la om sòm. Xe đậu yên rồi, bà khách tuôn xuống. Cô Hoà kiểm thấy cô Vân còn đứng trên xe, lo dẫu ra cửa sổ mà ngóng, thì cô ngoắt và kêu. Cô Vân cười rồi lấy đồ đặng xuống xe. Cô Hoà dắt con lại đứng tại cửa xe mà chờ. Cô Vân tay cầm dù, tay ôm choàng mà xuống xe, chị em gặp nhau vui mừng kẻ không xiết.

Cô Vân ngó bụng cô Hoà rồi hỏi:

— Chị có nghén nữa à? Có phước quá! Được mấy tháng đây?

— Hơn năm tháng.

— Tôi mừng cho chị...

Cô Vân lại thấy bé Hân nắm tay đứng một bên cô Hòa thì hỏi :

— Châu Hân đây phải hôn ?

— Phải.

— Hai năm nay tôi không gặp, bây giờ cháu trông cậy, Dè thương quá

Cô Vân ôm mặt bé Hân mà hua rồi chị em dắt nhau đi ra cửa, biểu người cu-ly xách hoa-ly cho cô Vân đi t eo.

Cô Vân là chị em bạn học của cô Hòa hồi trước, cũng đồng một tuổi với cô Hòa : vì cô Hòa có chồng nên thôi học trước, cô Vân ở lại học thêm, cách 2 năm nay đã thi đậu bằng thành-chung nên về ở nhà với mẹ là bà chủ Hào, một bà sùng-phụ giàu có ở dưới Kỳ-sơn, thuộc tỉnh Tân-an.

Cô Vân hình vóc chắc chắn mạnh mẽ, bộ đi đứng gọn gàng bất thiệp, nước da trắng, gương mặt tròn, vẫn nói bài buổi, tư cách thanh-nhã. Cô mặc áo màu nước biển, áo may khéo, lại màu hợp với nước da, nên làm cho dáng đẹp của cô càng đẹp hơn nữa.

Khi ra tới đường, cô Vân thấy xe hơi thì cười mà nói : « Chị sắm xe tốt quá », để đồ lên xe xong rồi, cô Vân mới hỏi cô Hòa :

— Năm ngoái chị gởi thư nói chị đã về nhà mới ở đường Cây-Quê. Cây Quê là chỗ nào ?

— Nhà quê quá ! Đường Cây-Quê ở trong Gia đình.

— A ! Bây giờ quê hồi coi anh mạnh giỏi thế nào.

— Cảm ơn. Ở nhà tôi mạnh luôn luôn.

— Có anh ở nhà hay không ?

— Có chứ, song ban ngày ở ngoài hăng xe hơi.

— Hăng của anh ở đường Phan-thanh-Giàn phải hôn ? Tôi chưa biết hăng. Thôi, mình lại dò dặng thăm anh và coi hăng chơi một chút rồi sẽ về được hôn ?

— Được. Lại dò rồi tôi rước ở nhà tôi về luôn thể.

Hai chị em lên xe rồi biểu sếp phu chạy lại hăng. Chừng xe ngừng, cô Vân bước xuống thấy trước hăng có tấm bảng đề chữ lớn :

THUẦN HÒA

Hăng xe hơi

thì cô cười và nói : « Hai ông bà lấy tên mình mà đặt hiệu cho hăng thì hay quá *Thuần, Hòa*, hai chữ song song... Hai ông

bà khấn-khít với nhau, mà lại có con sớm, thế thì hẳn phải vững bền mà rồi đây sẽ có chi ngành thêm nữa ».

Cô Hoà nghe khiên thì vui lòng, nên chúm chím cười và nói : « Tôi cầu chúc cho lời chị nói đó có y như vậy. »

Hai chị em song song bước vô nhà giấy của hăng, con xăn dắt bé Hậu theo sau.

Thầy hai Tịnh thấy bà chủ hăng thì lật đật đứng dậy tiếp chào, mấy thầy làm việc trong hăng cũng đứng dậy hết thấy.

Cô Hoà không thấy chồng, thì hỏi thầy hai Tịnh :

— Ở nhà tôi đâu, thầy hai.

— Ông chủ đang coi thư trong phòng. Mời bà đi thẳng vô trong.

Cô Hoà đi lại cái cửa gió, đưa tay xò cánh cửa mà dòm vô phòng, thì thấy Thuần mặc áo sơ-mi đang ngồi tại bàn viết mà ký tên. Cô đứng ngưng lại và chau mày, không bước vô.

Thuần ngược mặt lên ngó thấy vợ thì cười và hỏi : « Minh rước cô cô Vân hay không ? »

Cô Hoà đáp : « Có chứ. Tôi dắt chị lại thăm mình đây ».

Thuần nghe nói như vậy thì buông cây viết, đưa giấy tờ cho cô Như, rồi đứng dậy bước lại cửa phòng mà tiếp khách. Cô Như cúi đầu chào cô Hoà và cô Vân rồi cầm giấy tờ đi ra ngoài. Thuần chào cô Vân mời vô phòng, lảng xăng nhắc ghế cho vợ và cô Vân ngồi trước bàn viết, rồi nói với cô Vân :

— Cô lâu lên chơi quá, ở nhà tôi nhắc cô hoài. Bà ở dưới nhà mạnh ?

— Cảm ơn anh. Mà em mạnh. Đã 2 năm nay em không có đi Saigon.

— Tôi nhớ lúc cô thi đậu, cô ra trường ở chơi với ở nhà tôi một bữa, rồi từ ấy đến nay tôi không có gặp cô nữa phải hôn ?

— Thưa, phải. Từ ngày em thi đậu rồi về tới nay em không có lên trên này nữa.

— Dữ hôn ! Dưới Tân-An lên đây mà bao xa, sao không lên chơi. Cô ở dưới ruộng thét rồi thành gái nhà-quê cho mà coi.

— Phần em có hai mẹ con mà thôi. Nếu em đi chơi thì má em ở nhà tiêu liu một mình, sợ má em buồn, vì vậy nên em không muốn đi đâu hết. Còn em mời má em đi chơi với em, thì má em nói lên Saigon xe cộ rần-rần má em mệt lắm, nên không chịu đi. Tại như vậy đó, nên em thành gái nhà-quê thiệt. Em quê, hễ đi ra em sợ quá nên em mới gởi thư trước mà xin chị Hoà ra ga rước giùm em.

Cô Hoà này giờ ngồi lặng thinh, song có liếc mắt ngó cũng

trong phòng, nhứt là ngó cái ghế canapé để dựa vách tường, chỗ Thuần máng áo. Chừng nghe cô Vân nói tới tên cô thì cô mới nói : « Tôi được thư của chị nói chị muốn lên ở chơi với tôi ít ngày thì tôi mừng quá. Chị phải ở chơi với tôi, có mau lắm là một tháng, chớ tôi không cho chị về sớm đâu ».

Cô Vân cười và đáp : « Ở lâu sợ không được. Tôi nói với má tôi chừng năm bữa tôi về ».

Chừng điện-thoại reo rền rền. Hai cô chạy lại ngó. Thuần vội lấy ống nói kê vào tay mà nghe rồi nói : « A-lô... Phải, đây là hãng Thuần-Hòa... Phải, tôi... Còn tôi được hân hạnh mà tiếp chuyện với ai đó?... A! Bonjour, Thoại... »

Cám ơn, mỗa mạnh luôn, còn toa?... Có việc chi vậy?... Hỏi làm gì?... Chừng nào?... Tối nay?... Tối nay không được, mà tối bữa nào cũng không được hết thấy. Mỗa bận việc lắm, không thể đi hội gì được hết... Phải, mỗa làm việc cho tới ban đêm nữa... Anh em ai muốn nói thế nào mỗa cũng chịu hết... Thấy kẹ... Mỗa không cần... Au revoir. »

Thuần buông ống nói mà có sắc giận. Thình lình nghe phía ngoài có tiếng kèn thổi te te. Thuần hỏi vợ, mới hay có con ở ngoài thì cười, rồi đứng dậy nói với vợ : « Thôi, mình rước cô Vân về trong nhà đặng cô nghĩ cô đi xe lửa đã mệt rồi. »

Cô Vân nói : « Em muốn đi xem hãng của anh một chút, anh cho phép hay không ? »

Thuần đáp : « Được lắm, được lắm, để tôi dẫn đi ».

Thuần bèn dẫn hai cô trở ra phòng làm việc giấy, thấy con xăm bông bé Hậu đương đứng coi cô Như đánh may, thì bước bả bước lại ôm con mà hôn, rồi bông luôn con mà đi với hai cô. Dẫn coi những xe hơi mới để đầy 3 căn, rồi dẫn qua coi chỗ bán đồ phụ tùng, đi đến đâu cô Vân cũng đều thấy cách sắp đặt có thứ tự, nên cô trăm trở khen ngợi không ngớt. Thuần mở cửa sau chỉ cho hai cô thấy cái xưởng sửa xe đương rần rộ, mà không chịu dẫn xuống đó, vì nghĩ chỗ ấy dầu mỗi buổi bậm sợ hai cô xuống đó dơ áo dơ quần.

Đi coi cùng hết rồi Thuần mới đưa hai cô ra xe. Cô Hoà hỏi : « Gần 12 giờ rồi thôi thì mình về luôn mà ăn cơm, chớ còn ở lại hay sao ? » Thuần coi đồng hồ tay, thấy đã 11 giờ 45 thì gặc đầu đáp với vợ : « Ủ, thôi để tôi về luôn thế. Mình chờ tôi vô lấy áo và dẫn thầy hai một chút rồi tôi về với ».

Thuần dắt bé Hậu lên xe, rồi trở vô hãng. Cách một lát, Thuần trở ra và đi về bên áo. Thuần biểu con xăm kéo ghế

trong má ngồi, bước lên cầm tay bánh để bé Hậu ngồi một bên còn sốp-phơ ngồi bên kia, rồi mở máy chạy về Cây-Quáo.

Lúc xe quanh vô cửa, cô Vân thấy vườa hoa đẹp-đẽ, nhầu lâu nguy-nga, thì cô nói lớn, cô ý nói cho Thuần ngồi phía trước nghe: « Ồ! Anh chị sãm chỗ ỡ xinh đẹp quá! Em không dể chúc nào hết. Tốt quá, ban ngày anh đi lo việc thương mại công-nghệ, ban đêm về sãm niệp với vợ con nơi cảnh này thì vui lắm, hạnh phước như vậy còn hạnh phước nào hơn.»

Thuần ngừng xe tại cửa trước ngõ vợ mà cười, mở cửa xe cho vợ với cô Vân xuống, dạy sốp-phơ coi đem đồ vô nhà, rồi chạy xe vô nhà xe mà cất.

Bé Hậu vô nhà biểu con xắm đưa cái kèn rồi thối te-te, bỏ đặc ý lắm. Cô Vân ngo vợ chồng Thuần rồi ngo bé Hậu mà cười, trong lòng rất mừng cho người bạn yêu được hưởng gia-đình hạnh phước.

Cô Hòa kêu hồi bếp mà dạy dọn cơm, rồi mời cô Vân đi ilăng lên lầu, nói rằng đã có dọn sẵn phòng riêng cho khách ở tầng trên.

Thuần biểu con xắm thay đồ cho bé Hậu rồi Thuần đi rửa mặt.

Chừng hai cô trở xuống, thì thấy Thuần với Hậu nai cha con đương bắt trái banh lăn qua lăn lại ngoài hàng ba, con là om sòm, cha cười ngả ngớn, cảnh coi thuận hòa đầm ấm lắm.

Cơm dọn rồi, 4 người ngồi lại ăn, hai cô ngồi một bên, cha con Thuần ngồi một bên.

Cô Vân cứ ngo Thuần và ngo bé Hậu mà cười hoài, lại khen Hậu giống Thuần như một khuôn.

Cô Hòa hỏi chồng:

— Hồi nầy ngoài nường có ai kêu giấy thép nói mời mình đi hội gì đó phải hôn?

— Ừ, M. Thợai mời tối nay nhóm tại nhà hàng Cừu-Lông đặng bàn tính gom hết bọn thanh-miên trí-thức mà lập hội ái-hữu. Tôi xin kiếu, không dám hội hiệp với mấy bác đó nữa.

— Sao vậy?

— Mấy bác đó lập hội đặng ăn uống say sưa rồi làm việc tối hại, chứ phải lập hội đặng lo việc công ích gì hay sao mà theo.

Mình làm trai ý anh em rồi họ lấy chạy mình chờ.

— Ồ!... Từ hồi hôm tôi đã nhưt định tẩy chay họ rồi, mình khỏi lo họ tẩy chay tôi.

— Tà sao mà mình nghịch với anh em dữ vậy?

— Chờ chi hồi hôm có mình đi dự tiệc đám cưới thì mình cũng nghịch như tôi vậy.. Khốn nạn, xấu hổ lắm... Thôi, đừng có kể thanh-niên... gì nữa. Dầu ở xứ Annam, dầu ở bên Tàu, hay là ở bên Tây cũng vậy, những lễ quan-hôn tang tế là lễ trọng. Mình đi dự mấy tiệc ấy, thì phải mặc y phục cho trùng lễ, ngồi ăn mình phải giữ lễ cho hăng hoi, sốt đồ ăn không được lựa miếng : gon, nói chuyện phải lựa lời không được kêu nói voi. Cách ít năm nay tôi có đi một đám cưới, thấy có một nhóm thể thao gia họ đến dự tiệc họ mặc y phục cũng như đi đá banh hay là đi đánh tennis vậy, chừng ngồi ăn họ lột áo rồi mặc sơ-mi lòi cánh tay cũng như ngồi ăn theo mấy quán chung quanh chợ. Hồi hôm này nhóm thanh-niên trí-thức dự tiệc đám cưới họ mặc y phục trùng lễ, song chừng ngồi ăn họ lột khăn đen rồi dùng đũa đồ mà ăn, họ vật lộn rách rã áo dài, rồi chừng khiêu-vũ có người mặc áo bà-ba mà nhẩy.

Đò, lẩn-bộ văn-minh là vậy đó... Tôi ngán quá... Thôi, tôi làm dã mang cho khỏi hổ. Từ rày tôi cứ lo làm ăn, có rảnh thì tôi vui chơi với vợ con mà thôi tôi không dám bẻ bạn với ai Lết.

Cô Vân cười mà nói : « Anh lập tâm như vậy thì chị Hoà với cháu Hậu nữa hạnh, còn xa hội thì vô phước lắm ».

Thuần suy nghĩ một chút rồi đáp : « Sanh nhằm đời hỗn độn, nếu ai biết lo giữ thân danh của mình cho vẹn toàn, thì người ấy là thượng trí ».

Ăn cơm rồi. Thuần lên lầu nghỉ trưa. Hai cô vào phòng khách đờn bá nôm nói chuyện. Gần 3 giờ. Thuần thức dậy tắm gội rồi thay đồ mà đi ra hãng.

(Còn nữa)

Autorisée par arrêté du Gouverneur Général

N° 509-N du 17 Juillet 1942

Imprimerie THANH MẠU
3, rue de Rennes — Saigon

Usage:
1.100.00

L'Administrateur Gérant :
— HỒ VĂN KÝ TRẦN —

